

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2018
V/v “tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Loan
2. Ông Bùi Phước Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 187/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 về “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim B**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Bà B có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/1997.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông bà đã nhiều lần hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành.

Nay bà B cương quyết xin ly hôn ông T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 30/12/1997 (đã trưởng thành) và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 26/12/2000. Bà B xin nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không cung cấp bản khai trình bày ý kiến cho Tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn đúng với quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; Về tư cách tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, thời hạn đưa vụ án ra xét xử, nguyên tắc xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà B được ly hôn ông T, giao con chung cho bà B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm vấn tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B nộp đơn đúng trình tự thủ tục, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”, ông T đang cư trú tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2/ Về tư cách đương sự:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B; bị đơn ông Nguyễn Văn T. Ông T đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T.

3/ Xét yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim B và ông Nguyễn Văn T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà Bình cương quyết xin ly hôn ông T và khai nại không còn tình cảm vợ chồng với ông T, thời gian ly thân đã lâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải, triệu tập nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa hòa giải với bà B. Từ các chứng cứ trên cho thấy ông T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn, không mong muốn hòa giải đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc với bà B. Do đó, nguyên đơn bà B yêu cầu ly hôn ông T là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông bà chung sống có hai con chung là cháu Nguyễn Thành Đ – sinh ngày 30/12/1997 và cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 26/12/2000. Cháu Thành Đ đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Bà B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ. Xét thấy từ sau thời gian ly thân, bà B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, việc nuôi dưỡng cháu Đ đảm bảo sự phát triển tốt cho trẻ, bà B có thu nhập ổn định nuôi con, mặt khác cháu Đ cũng có nguyện vọng sống cùng bà B. Do đó, bà B yêu cầu được nuôi con chung cháu Đ là có cơ sở chấp nhận. Bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà B khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B không cung cấp ý kiến gì về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Do đó, bà B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 220, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim B đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung”.

Tuyên xử:

Cho bà Nguyễn Thị Kim B được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Đ – sinh ngày 26/12/2000 cho bà B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 003509 ngày xx/mm/yyyy của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (bà B đã nộp xong).

Báo các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS, THADS, TAT;
- UBND xã, PTP;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thúc